TÒA ÁN NHÂN DÂN **CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 434/2023/HC-PT
Ngày 19/6/3023
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Nam

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam

Ông Nguyễn Mạnh Tiến

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lương Hải Anh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội*: Bà Vũ Thị Thúy, Kiểm sát viên cao cấp;

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại điểm cầu trung tâm Phòng xét xử trực tuyến số 5 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 18/2023/TLPT-HC ngày 04/01/2023 về "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 165/2022/HC-ST ngày 19/9/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6541/2023/QĐPT ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1.*Người khởi kiện*: Bà Trần Thị N, sinh ngày 22/5/1963 (có mặt)

Trú tại Thôn K, xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Bình (có đơn xin xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình: Ông Vũ Ngọc T0, Phó Trưởng phòng Phòng Pháp luật -Hành chính-Tổng hợp Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình, có mặt;

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Đ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 496 và 497/QĐ-UBND ngày 02/3/2023), có đơn xin xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình và Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình: Ông Phạm Đình T1, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, có đơn xin xử vắng mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Bùi Thị O, sinh năm 1983; chị Bùi Thị H, sinh năm 1987; đều cư trú: Thôn K, xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; đều ủy quyền cho bà Trần Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người khởi kiện là bà Trần Thị N, trình bày:

Hộ gia đình bà gồm có bà, chị Bùi Thị O, chị Bùi Thị H, được chia tiêu chuẩn ruộng 03 khẩu là 1.197m^2. Ngày 05/8/2016, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố Thái Bình ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND thu hồi 280.924,3m^2 đất thuộc địa giới hành chính xã V, thành phố Thái Bình. Theo đó, gia đình bà bị thu hồi 657,6 m^2 đất của thửa số 84, tờ bản đồ số 11 và thửa số 174, tờ bản đồ số 12 địa chỉ Thôn K, xã V, thành phố Thái Bình. Theo Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng ban hành kèm theo Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố Thái Bình tại số thứ tự 290 gia đình bà được bồi thường, hỗ trợ 132.824.400 đồng, sau đó được hỗ trợ thêm nên thực tế gia đình bà đã nhận được 142.200.000 đồng, bao gồm trị giá đất và hoa màu trên đất hai lúa, tương đương 69.000.000 đồng/sào; bà đã nhận đủ số tiền trên vào tháng 11/2018.

Theo Danh mục các công trình dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh Thái Bình (Ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TLQLĐĐ ngày 27/4/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình), dự án tại xã V, thành phố Thái Bình là "*Dự án khu đô thị, thương mại dịch vụ*", UBND thành phố Thái Bình thông báo thu hồi đất của gia đình bà để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế xã hội. Nhưng sau khi thu hồi đất, UBND thành phố Thái Bình giao cho Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu X (sau đây viết tắt là Công ty X) thực hiện dự án với tên gọi "*Khu đô thị mới xã V, thành phố Thái Bình*". Quá trình thực hiện, Công ty X đã thực hiện phân lô, bán nền khu đất dự án. Căn cứ quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, dự án Công ty X thực hiện không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất mà thuộc trường hợp Doanh nghiệp phải tự thỏa thuận, thương lượng với người dân trên cơ sở giao dịch dân sự quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, UBND thành phố Thái Bình không có thẩm quyền thu hồi đất của gia đình gia đình bà, đồng nghĩa với các quyết định UBND thành phố ban hành là trái pháp luật.

Mặt khác, số tiền bồi thường chi trả cho các hộ dân được áp dụng nhiều mức giá khác nhau, những người chấp hành giao ruộng sớm thì được bồi thường thấp, những người không chấp hành giao ruộng thì được bồi thường cao, 40 hộ gia đình không đồng ý giao đất và nhận tiền bồi thường theo phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND thành phố thì được bồi thường tiền thu hồi ruộng cao nhất là 175 triệu đồng/sào; bà và nhiều người dân đã có ý kiến nhưng UBND xã

V và cán bộ thôn ép bà và một số hộ dân buộc phải nhận số tiền bồi thường. Vì vậy, bà và 200 hộ gia đình cùng làm đơn khiếu nại gửi UBND thành phố Thái Bình đề nghị xem xét lại các Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố Thái Bình về Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng; Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019; Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/8/2019; Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 13/7/2019 của UBND thành phố Thái Bình. Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND giải quyết không chấp nhận khiếu nại của bà và các hộ gia đình đối với Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố Thái Bình; bà và các hộ gia đình tiếp tục khiếu nại thì ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình. Việc Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình và Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND và Quyết định số 520/QĐ-UBND nêu trên đã ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà nên bà khởi kiện đề nghị Tòa án hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố Thái Bình về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

- Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình .

- Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình.

Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình, UBND thành phố Thái Bình trình bày:

Dự án Khu dân cư mới xã V, thành phố Thái Bình đã được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 và được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013. UBND tỉnh Thái Bình có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án. Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Nên căn cứ vào Điều 62, Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh Thái Bình về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND thành phố Thái Bình đã ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và các Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, số 5484/QĐ-UBND ngày 19/12/2018, số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án (trong đó có hộ bà Trần Thị N) là có căn cứ, đúng thẩm quyền quy định.

Sau khi ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 05/8/2016 về việc thu hồi đất, UBND thành phố Thái Bình đã ban hành các thông báo thu hồi đất gửi đến người có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định (Thông báo số 1260/TB-UBND ngày

26/8/2016 và Thông báo số 1563/TB-UBND ngày 31/8/2016 được gửi đến bà N). Ngày 31/8/2016 và ngày 11/9/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp với UBND xã V, cơ sở thôn, các đơn vị có liên quan và đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi họp để triển khai công tác giải phóng mặt bằng dự án như thông báo thu hồi đất và các quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng; thống kê diện tích, chủ sử dụng đất, tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi, nhân khẩu nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án, kiểm đếm tài sản, cây trồng trên đất.

Trên cơ sở Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Thái Bình và thống nhất chung của tất cả các hộ dân trong cùng dự án, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Sau đó, UBND thành phố Thái Bình đã ban hành và giao các Quyết định thu hồi đất đến các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án; các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, số 5484/QĐ-UBND ngày 19/12/2018, số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 theo quy định. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình đã phối hợp với UBND xã V thông báo và tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân (trong đó có hộ bà Trần Thị N) theo đúng phương án được phê duyệt.

Thực hiện Văn bản số 3089/UBND-KTTNMT ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh Thái Bình về hỗ trợ khác trong công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Thái Bình, UBND thành phố đã có Quyết định số 3562/QĐUBND ngày 01/10/2020 phê duyệt phương án hỗ trợ khác trong công tác giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V và thực hiện chi trả tiền theo quy định (trong đó có hộ bà Trần Thị N).

Về thực chất "*Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã V, thành phố Thái Bình*" là tên gọi trong danh mục các công trình, dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 24/7/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuyển mục đích trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Bình (được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận tại Văn bản số 1489/TTg-KNT ngày 29/3/2013) với "*Khu dân cư V, thành phố Thái Bình*" hay "*Khu dân cư mới xã V, thành phố Thái Bình*" theo Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư V, thành phố Thái Bình thì đều là một dự án, cùng một vị trí, địa điểm, diện tích 31ha và tại mục căn cứ xem xét, thẩm định dự án trình Thủ tướng Chính phủ có nêu Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh Thái Bình.

Về Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020: Theo đơn khiếu nại đề ngày 28/5/2020 và nội dung làm việc ngày 11/6/2020 của Thanh tra thành phố Thái Bình, bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân Thôn K, thôn H, xã V khiếu nại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày

04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố Thái Bình về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng "*Khu dân cư mới xã V, thành phố Thái Bình*" với lý do Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được ban hành trái thẩm quyền; việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng vi phạm khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013; quy trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng không được công khai, minh bạch, không rõ ràng là dự án Nhà nước thu hồi đất hay tư nhân thu hồi đất. Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình đã ban hành Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại số 590/TB-UBND ngày 03/7/2020; Quyết định xác minh nội dung khiếu nại (lần đầu) số 2411/QĐ-UBND ngày 20/7/2020; Quyết định ủy quyền giải quyết khiếu nại số 2323/QĐ-UBND ngày 09/7/2020; Quyết định gia hạn thời gian giải quyết khiếu nại số 1842/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 với thời gian gia hạn giải quyết khiếu nại là 15 ngày làm việc, kể từ ngày 13/8/2020. Trên cơ sở Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại số 03/BC-ĐXM ngày 30/6/2020, Phó Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình đã ký Quyết định về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 có nội dung giữ nguyên nội dung Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố Thái Bình về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng "*Khu dân cư mới xã V, thành phố Thái Bình*".

Việc giải quyết khiếu nại vụ việc nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình là đảm bảo quy định của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại, Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Vì vậy, Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình, UBND thành phố Thái Bình khẳng định toàn bộ quá trình thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và giải quyết khiếu nại liên quan đến đất thu hồi tại dự án "*Khu dân cư mới xã V, thành phố Thái Bình*" đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật, việc khiếu kiện của một số hộ dân (trong đó có bà N) là không có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình trình bày:

Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND dân tỉnh Thái Bình đã cho thụ lý là đúng thẩm quyền; cho thông báo và tiến hành xác minh, đối thoại theo đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai) của Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại. Căn cứ Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị T cùng 04 công

dân đại diện cho một số hộ dân Thôn K, thôn H, xã V, thành phố Thái Bình số 322/BC-STNMT ngày 30/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) đã nhận định bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân Thôn K khiếu nại Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 với lý do quyết định *"bác toàn bộ nội dung khiếu nại (lần đầu) của công dân, giữ nguyên các quyết định về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng khu đô thị mới xã V là không phù hợp với quy định của pháp luật"* là khiếu nại sai; "*Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại*" là đúng; nhưng cho rằng tồn tại, hạn chế về thời gian giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình không thay đổi bản chất vụ việc và quyền lợi của người dân vì các chế độ, chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đã được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Từ đó, quyết định giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 3272/QĐ-UBND nêu trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 165/2022/HC-ST ngày 19/9/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình đã xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố Thái Bình về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố Thái Bình;

- Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị T, bà Đặng Thị B (M), ông Hoàng Hải H1, bà Hoàng Thị T3 đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân Thôn K, thôn H, xã V, thành phố Thái Bình (lần đầu);

- Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân Thôn K, thôn H, xã V, thành phố Thái Bình đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/10/2022, bà Trần Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng UBND thành phố Thái Bình không có thẩm quyền thu hồi đất, việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực tế không đảm bảo nguyên tắc công bằng, khách quan.

Tại phiên tòa hôm nay, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kiện và yêu cầu kháng cáo của mình; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm đã được trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử bác kháng cáo của bà N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có ý kiến:

- Về tố tụng: Phía người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình và UBND thành phố Thái Bình có đơn xin xét xử vắng mặt, có văn bản trình bày quan điểm gửi Tòa án cấp phúc thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo và có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có mặt tại Tòa án, nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính đề nghị Tòa tiến hành xét xử vắng mặt người khởi kiện theo quy định.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của người bị kiện tại phiên tòa thì có đủ cơ sở khẳng định việc ban hành các Quyết định 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, có căn cứ; việc bồi thường, hỗ trợ là thống nhất và đúng quy định nên kháng cáo của bà N là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính xử bác đơn kháng cáo của bà N, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 165/2022/HC-ST ngày 19/9/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

* Về tố tụng: Ngày 17/10/2022, bà Trần Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm là trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình và UBND thành phố Thái Bình có đơn xin xét xử vắng mặt, người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình có đơn xin xét xử vắng mặt và ủy quyền cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có mặt tại tòa đề nghị Tòa tiến hành xét xử theo quy định; trên cơ sở đề nghị của bà N và Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử theo quy định.

Ngày 06/5/2021, bà Trần Thị N khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Toà án hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 *của UBND thành phố Thái Bình về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án*, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình; đây là các quyết định hành chính do người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước và cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền ban hành về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính trong lĩnh vực đất đai có nội dung làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nên theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính thì các quyết định này là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

* Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Trần Thị N thì thấy:

[1] Về mục đích thu hồi đất: Dự án Khu dân cư xã V, thành phố Thái Bình được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012, được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; UBND tỉnh Thái Bình có Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án và Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án "*Khu dân cư mới xã V, thành phố Thái Bình*" là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Xthực hiện dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường K kéo dài thành phố Thái Bình theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT); Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Như vậy, dự án "*Khu dân cư mới xã V, thành phố Thái Bình*" thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

[2] Về thẩm quyền thu hồi đất: Khu vực thu hồi đất để thực hiện dự án có cả đất công ích của xã V và đất của hộ gia đình cá nhân, căn cứ Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh Thái bình về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND thành phố ban hành Quyết định số 13289/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, thu hồi 657,6 m^2 đất của hộ gia đình bà Trần Thị N và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[3] Về trình tự, thủ tục thu hồi đất: Sau khi ban hành Kế hoạch thu hồi đất số 105/KH-UBND ngày 05/8/2016, UBND thành phố Thái Bình và Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình đã phối hợp với UBND xã V ban hành thông báo về việc thu hồi đất, niêm yết công khai dự thảo Phương án bồi thường, gửi quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng tới các hộ dân và tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án được phê duyệt. Ngày 01/12/2016, UBND thành phố Thái Bình ban hành Quyết định số 13289/QĐ-UBND thu hồi 657,6 m^2 đất (loại đất: LUC) của bà Trần Thị N thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ địa chính số 11 và thửa đất số 174, tờ bản đồ địa chính số 12, thuộc địa giới hành chính xã V, thành phố Thái Bình. Hộ gia đình bà Trần Thị N không khiếu nại gì đối với quyết định thu hồi đất.

[4] Về bồi thường do bị thu hồi đất: Căn cứ vào Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Thái Bình; Quyết định 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh Thái Bình về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2016, UBND thành phố Thái Bình ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án, theo đó hộ gia đình bà N ở số thứ số 290, diện tích ruộng bị thu hồi là 657,6 m^2 thửa đất số 84, tờ bản đồ địa chính số 11 và thửa đất số 174, tờ bản đồ địa chính số 12, được bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản, hoa màu trên đất tổng cộng là 132.824.400 đồng (đơn giá bồi thường đất trồng cây hàng năm 42.000đồng/m^2, hệ số 1.0) là phù hợp

quy định tại Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm 41.328.000 đồng, hỗ trợ theo Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh Thái Bình 55.104.000 đồng là phù hợp quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 83, Điều 84 Luật Đất đai năm 2013; khoản 7 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 14, Điều 85 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Thái Bình Ban hành quy định một số chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình; được bồi thường hỗ trợ tài sản xây dựng, cây cối hoa màu 2.630.400 đồng là phù hợp Công văn 3619/UBND-NNTNMT ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh Thái Bình về việc hỗ trợ khác để giải phóng mặt bằng và Điều 90 Luật Đất đai năm 2013. Phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đã được UBND thành phố Thái Bình phê duyệt, niêm yết công khai và được giao cho hộ gia đình bà N cùng quyết định thu hồi đất; gia đình bà N đã được chi trả và nhận đủ số tiền bồi thường 132.824.400 đồng.

Việc bà N cho rằng việc bồi thường về đất cho các hộ dân mỗi người mức giá khác nhau và số tiền người nhận nhiều nhất là 175.000.000 đồng là không công bằng. Tuy nhiên, bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh; các tài liệu người bị kiện giao nộp thể hiện tất cả các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức Nhà nước có Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án "*Khu dân cư mới xã V, thành phố Thái Bình*" đều được áp dụng chung cơ chế, chính sách bồi thường hỗ trợ, đảm bảo nguyên tắc công bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013; không có tài liệu nào thể hiện việc UBND thành phố Thái Bình áp giá bồi thường cao hơn cho một số hộ gia đình khác như ý kiến của bà N trình bày, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà N là có căn cứ.

[5] Như vậy, việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân để thực hiện dự án của UBND thành phố Thái Bình đã tiến hành hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 69, Điều 74, 75, 77, 83, 84, 90 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các Quyết định, Công văn của UBND tỉnh Thái Bình, bà N kháng cáo về vấn đề này là không có căn cứ.

[6] Về Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình:

[6.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại của bà Hoàng Thị T và người đại diện cho một số công dân xã V (trong đó có bà Trần Thị N), Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình ban hành Thông báo số 590/TB-UBND ngày 03/7/2020 về việc thụ lý, giải quyết khiếu nại (lần đầu); Quyết định số 2411/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại, thu thập các tài liệu liên quan, tiến hành đối thoại với bà Tươi và những người đại diện. Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là vi phạm về thời hạn giải quyết quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011, nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần đầu) quy định tại Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 18, 27, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm

2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[6.2] Về nội dung: Quyết định số 3272/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu của bà Tươi và người đại diện cho một số công dân xã V là hợp pháp, có căn cứ và đúng pháp luật.

[7] Về Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình.

[7.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân Thôn K (trong đó có bà Trần Thị N), ngày 27/10/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành Thông báo số 86/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại và Quyết định số 2991/QĐ-UBND giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình tiến hành xác minh khiếu nại, tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai quy định tại Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 21, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TTTTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[7.2] Về nội dung: Quyết định số 520/QĐ-UBND đã công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại Quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình là hợp pháp, có căn cứ và đúng pháp luật.

[8] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà N cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh các Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố Thái Bình, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 3272/QĐUBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình vi phạm quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ; nay bà N kháng cáo là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[9] Về án phí: Tuy kháng cáo không được chấp nhận, nhưng bà Trần Thị N là người cao tuổi, có đề nghị miễn án phí nên không phải chịu án phí phúc thẩm .

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bà Trần Thị N, giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 165/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Trần Thị N; hoàn trả bà N 300.000 đồng dự phí án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0005603 ngày 20/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKS ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ)
- Lưu HSVA, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Phan Nam